

Số: /QĐ-MNMV

Mường Vi, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
chi ngân sách Quý 1 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MƯỜNG VI

Căn cứ nghị định số 163/201/NĐCP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 10389/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND huyện Bát Xát về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 huyện Bát Xát.

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách Quý 1 năm 2025 của trường Mầm Non Mường Vi theo biểu đính kèm.

Điều 2. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các bộ phận cá nhân thuộc đơn vị trường Mầm Non Mường Vi căn cứ thực hiện quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Lý Tuyết Mai

Đơn vị: Trường Mầm Non Mường Vi
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo QĐ số / QĐ-MNMV ngày tháng năm 2025 của trường MN Mường Vi)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.716.200.000	833.175.785	22.4	90
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.716.200.000	833.175.785	22.4	90
1	Chi quản lý hành chính	3.355.920.000	833.175.785	24.8	90
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.209.420.000	833.175.785	26.0	90
1.2	Kinh phí quỹ tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ	146.500.000	0	0.0	
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	115.300.000	0	0.0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0		

3	<i>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</i>	20.470.000	0	0.0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	224.510.000	0	0.0	
-	Tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo theo ND 105/2020/ND-CP	99.360.000	0	0.0	
-	Chính sách GVMN theo ND 105/2020/ND-CP	16.200.000	0	0.0	
-	Kinh phí cấp bù học phí cấp Mầm Non theo NQ số 23/2022/NQ-HĐND	16.328.000	0	0.0	
-	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho nhà trẻ 24-36 tháng theo NQ 29/2020-NQ-HĐND	21.600.000	0	0.0	
-	Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/ND-CP	60.750.000	0	0.0	
	Cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/ND-CP	10.272.000	0	0.0	
4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>				
5	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
6	<i>Chi hoạt động kinh tế</i>				
7	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>				
8	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>				
9	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</i>				
10	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				